

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2024/DS-ST
Ngày: 14 – 5 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN, TỈNH SÓC TRĂNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trường Xuân.

2. Ông Ngô Quốc Tiệp.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Mỹ Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP G.**

Địa chỉ: Đường N, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Sĩ K**, chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ, địa chỉ: Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh T, Đường Đ, Phường Y, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng, (đại diện ủy quyền, theo giấy ủy quyền số 216/2023/GUQ-CNST ngày 20-7-2023 của Ngân hàng TMCP G Chi nhánh T); (có mặt).

- Bị đơn: Bà **Trần Thị Ngọc T.**

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện X, tỉnh Sóc Trăng, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 7 năm 2023 của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP G và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại Phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Sĩ K đều trình bày:

Ngày 10-7-2019, Ngân hàng TMCP G Chi nhánh T – PGD Mỹ Xuyên (sau đây viết tắt là Ngân hàng) ký với bà Trần Thị Ngọc T Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD1919100620, nội dung là Ngân hàng cho bà T vay số tiền 100.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm triệu đồng) vào ngày 10-7-2019; thời hạn vay: 60 tháng; mục đích: Tiêu dùng; kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 31-8-2019; số tiền trả mỗi kỳ: 2.566.000 đồng; số tiền trả kỳ cuối: 2.606.000 đồng; lãi suất 10.8%/năm. Bà T đã thanh toán cho Ngân hàng được 44 kỳ với số tiền là 112.904.000 đồng, trong đó: Vốn gốc là 73.304.000 đồng và tiền lãi là 39.600.000 đồng. Tính đến ngày 30-4-2023 bà T vi phạm nghiêm trọng đến hợp đồng để phát sinh nợ quá hạn.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Ngọc T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 30.448.831 đồng, trong đó vốn gốc 26.696.000 đồng, lãi trong hạn là 3.600.000 đồng (tính từ ngày 31-3-2023 đến ngày 17-7-2023); lãi quá hạn là 114.612 đồng (tính từ ngày 30-4-2023 đến ngày 17-7-2023) và lãi phạt là 38.219 đồng (tính từ ngày 30-4-2023 đến ngày 17-7-2023) và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 18-7-2023 cho đến khi bà T trả hết nợ vay.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: Buộc bà T trả ngay cho Ngân hàng tổng số nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14-5-2024) là 41.770.874 đồng, trong đó gồm: Nợ gốc 26.696.000 đồng, lãi trong hạn là 12.600.000 đồng (tính từ ngày 31-3-2023 đến ngày 17-7-2023); lãi quá hạn là 1.855.970 đồng (tính từ ngày 30-4-2023 đến ngày 14-5-2024) và lãi phạt là 618.904 đồng (tính từ ngày 30-4-2023 đến ngày 14-5-2024) và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 15-5-2024 cho đến khi bà T trả hết nợ vay.

2. Đối với bị đơn bà Trần Thị Ngọc T:

Bà T đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia tố tụng, nhưng bà T đều vắng mặt không lý do, cũng không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của chị đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Tòa án cũng không lấy lời khai của bà T được.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên:

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về nội dung thì cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng yêu cầu bà T trả lại tiền vay; Theo Thông báo ngày 08-4-2024 của Công an xã Đ, huyện X, tỉnh Sóc Trăng về số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì bà Trần Thị Ngọc T có nơi thường trú và nơi ở hiện tại là ấp L, xã Đ, huyện X, tỉnh Sóc Trăng, nên đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng và Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị Ngọc T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt này không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về nợ vay:

Theo Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD1919100620 ngày 10-7-2019, giữa bên cho vay: Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh T – PGD Mỹ Xuyên; bên vay: Trần Thị Ngọc T; số tiền cho vay: 100.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm triệu đồng); thời hạn vay 60 tháng; mục đích: Tiêu dùng; kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 31-8-2019; số tiền trả mỗi kỳ: 2.566.000 đồng; số tiền trả kỳ cuối: 2.606.000 đồng; lãi suất 10.8%/năm. Do bà T không trả nợ theo hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả nợ.

Xét yêu cầu của Ngân hàng, về việc yêu cầu bà T trả tiền vay còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14-5-2024) là 41.770.874 đồng, trong đó gồm: Nợ gốc 26.696.000 đồng, lãi trong hạn là 12.600.000 đồng (tính từ ngày 31-3-2023 đến ngày 17-7-2023); lãi quá hạn là 1.855.970 đồng (tính từ ngày 30-4-2023 đến ngày 14-5-2024) và lãi phạt là 618.904 đồng (tính từ ngày 30-4-2023 đến ngày 14-5-2024) và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 15-5-2024 cho đến khi bà T trả hết nợ vay, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD1919100620 ngày 10-7-2019 thể hiện bà T nhận tiền vay của Ngân hàng là 100.000.000 đồng và các bên đã thỏa thuận đúng như nội dung khởi kiện của Ngân hàng. Khi đến hạn đóng lãi và trả vốn, bà T không trả đúng như đã thỏa thuận và đến nay khoản nợ vay này đã chuyển sang nợ quá hạn nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T trả tiền vay là phù hợp với quy định tại khoản 1 và 2 Điều

95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Việc bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi là vi phạm Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ mà các bên đã ký kết, bà T có lỗi nên phải chịu mọi hậu quả theo hợp đồng và theo quy định của pháp luật. Mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tại thời điểm xác lập là phù hợp quy định pháp luật. Số tiền lãi theo yêu cầu của Ngân hàng là đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà T trả tiền vốn và tiền lãi nêu trên là có căn cứ chấp nhận, theo quy định tại Điều 463, 466, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Từ những phân tích trên, cần buộc bà T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 14-5-2024 là 41.770.874 đồng, trong đó gồm: Nợ gốc 26.696.000 đồng, lãi trong hạn là 12.600.000 đồng (tính từ ngày 31-3-2023 đến ngày 17-7-2023); lãi quá hạn là 1.855.970 đồng (tính từ ngày 30-4-2023 đến ngày 14-5-2024) và lãi phạt là 618.904 đồng (tính từ ngày 30-4-2023 đến ngày 14-5-2024). Bà T còn phải chịu lãi cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ mà các bên đã ký kết.

[3] Như vậy, các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”.

[4.1] Như vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như sau: $41.770.874 \text{ đồng} \times 5\% = 2.088.543 \text{ đồng}$.

[4.2] Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ, nên trả lại cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 và 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần G.

Buộc bị đơn bà Trần Thị Ngọc T trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần G, số tiền nợ vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14 tháng 5 năm 2024) tổng cộng là 41.770.874 đồng (bằng chữ: Bốn mươi một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn tám trăm bảy mươi bốn đồng), trong đó gồm:

- Nợ gốc: 26.696.000 đồng (bằng chữ: Hai mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

- Lãi trong hạn: 12.600.000 đồng (bằng chữ: Mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Lãi quá hạn: 1.855.970 đồng (bằng chữ: Một triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn chín trăm bảy mươi đồng).

- Lãi phạt là 618.904 đồng (bằng chữ: Sáu trăm mười tám nghìn chín trăm lẻ bốn đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức là ngày 15-5-2024), bà Trần Thị Ngọc T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán và khoản lãi khác theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD1919100620 ngày 10 tháng 7 năm 2019, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD1919100620 ngày 10 tháng 7 năm 2019, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần G, thì lãi suất mà bà Trần Thị Ngọc T phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần G.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Trần Thị Ngọc T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 2.088.543 đồng (bằng chữ: Hai triệu không trăm tám mươi tám nghìn năm trăm bốn mươi ba đồng).

3.2. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 761.220 đồng (bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi một nghìn hai trăm hai mươi đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000178 ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì

thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày Toà án giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh